

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-9-2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Lương Khoa  
2. Ông Bùi Ngọc Thân.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Sao V, sinh năm 1988.
- Bị đơn: Anh Đặng Thành H, sinh năm 1987.

Cùng nơi cư trú: ấp K, xã H, Huyện L, tỉnh N

*(Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-02-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên họp nguyên đơn chị Nguyễn Thị Sao V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Sao V thừa nhận chị và chồng là anh Đặng Thành H tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/9/2008.

Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên

thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu ly hôn với anh Đặng Thành H.

Về con chung: Theo chị V vợ chồng có 01 (một) người con là Đặng Quỳnh N, sinh ngày 14-3-2012. Hiện nay, con chung đang do chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo nguyên đơn, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Thành H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thừa nhận, quá trình xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh và chị V đúng như chị V đã trình bày, vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/9/2008.

Theo anh H, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau nên dẫn đến vợ chồng ghen tuông, cãi vã, đánh đập nhau. Thời gian gần đây, vợ chồng không nói chuyện, không còn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, anh H mong muốn Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng có thời gian hòa giải, đoàn tụ gia đình. Nếu trong thời gian từ 01 đến 02 tháng, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa thì sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Theo anh H vợ chồng có 01 (một) người con là Đặng Quỳnh N, sinh ngày 14-3-2012. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, nếu trường hợp con có nguyện vọng ở với chị V thì anh H đồng ý giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo anh H, vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo anh H, vợ chồng không có nợ chung.

*Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Sao V và anh Đặng Thành H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Sao V, cho chị Nguyễn Thị Sao V và anh Đặng Thành H ly hôn.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Đặng Quỳnh N, sinh ngày 14/3/2012 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh H khai không có và không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Sao V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Thành và tranh chấp về nuôi con là cháu Đặng Quỳnh N, sinh ngày 14/3/2012. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đặng Thành H có nơi cư trú tại: ấp Việt Kiều, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không rõ lý do, căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Thành H và chị Nguyễn Thị Sao V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, không tin tưởng lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh đập nhau. Thời gian gần đây vợ chồng tuy vẫn còn chung sống nhưng anh H thường xuyên bỏ nhà đi, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Anh H cho rằng cần thời gian để vợ chồng hòa giải đoàn tụ gia đình, tuy nhiên trong thời gian chờ Tòa án tiến hành hòa giải, anh H bỏ đi khỏi nhà, không quan tâm gì đến vợ con. Tòa án đã tiến hành triệu tập anh H tham gia các phiên hòa giải nhưng anh H không có mặt, điều đó thể hiện anh H không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình. Xét mâu thuẫn gia đình anh H, chị V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H, chị V xác nhận vợ chồng có 01 (một) người con là Đặng Quỳnh N, sinh ngày 14-3-2012. Hiện nay, con chung sinh sống ổn định cùng chị V, chị V có nghề nghiệp và thu nhập

ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Quá trình giải quyết vụ án anh H yêu cầu nuôi con, tuy nhiên trong thời gian Tòa án tạo cơ hội cho vợ chồng hòa giải đoàn tụ anh H không quan tâm tới vợ con mà thường xuyên bỏ nhà đi, để con cho chị V tự chăm sóc. Mặt khác, anh H cũng cho rằng, trường hợp con có nguyện vọng sống cùng với mẹ thì anh H đồng ý giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của cháu Đặng Quỳnh N, cháu N có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, yêu cầu của chị V về việc được tiếp tục nuôi dưỡng con là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 70 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị V không yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị V và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị V, anh H khai không có, nên không xem xét.

[8] Về án phí: Chị V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị V phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 51, 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Sao V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Đặng Thành H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Sao V và anh Đặng Thành H ly hôn.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Giao cháu Đặng Quỳnh N, sinh ngày 14/3/2012 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Chị V và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị V và anh H xác nhận không có, nên không xem xét.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Sao V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0006177 ngày 22-02-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Chị V đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THA huyện Xuân Lộc
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (số 130/2008, ngày 04-9-2008, để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Hoàng Thị Đào**